

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM  
AN GIANG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Quang Đầu	Chủ tịch
Ông Quách Thanh Bình	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Công Thụy	Thành viên
Bà Mai Thị Kim Loan	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Lưu Bách Thảo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)

#### **Ban Giám đốc**


Ông Huỳnh Quang Đầu	Tổng Giám đốc
Ông Quách Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thụy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. 

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



  
Huỳnh Quang Đầu  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số: 509 / VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2014 cho báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty, chúng tôi đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề Công ty đang áp dụng chính sách phân bổ khoản lợi thể kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa với số tiền là 9.535.617.423 đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Theo đó, Công ty đã phân bổ lợi thể kinh doanh với số tiền là 2.463.367.834 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty thực hiện phân bổ đều khoản lợi thể kinh doanh trong thời gian là 10 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng lên với số tiền là 1.509.806.092 đồng và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm tương ứng với số tiền 1.509.806.092 đồng.

Trong năm 2014, Công ty đã phân bổ khoản giá trị lợi thể kinh doanh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền là 953.561.742 đồng như đã nêu tại Thuyết minh 10 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, một số các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 có thể không so sánh được với số liệu của năm hiện hành do ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của năm 2013.

### Vấn đề khác

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính đã trình bày việc Công ty đang ghi nhận một khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang với số tiền là 14.343.073.731 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Đây là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và khoản giá trị chênh lệch này vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.



**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Bùi Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2133-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>120.219.302.161</b>	<b>104.635.256.168</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>42.631.868.287</b>	<b>33.073.577.372</b>
1. Tiền	111		12.886.868.287	5.838.577.372
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.745.000.000	27.235.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.513.636.787</b>	<b>6.818.084.012</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.902.736.378	6.222.440.143
2. Trả trước cho người bán	132		1.261.487.410	212.620.300
3. Các khoản phải thu khác	135		482.783.709	383.023.569
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(133.370.710)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>57.475.342.440</b>	<b>61.099.815.269</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6</b>	57.475.342.440	61.099.815.269
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.598.454.647</b>	<b>3.643.779.515</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.661.921.102	1.418.279.856
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.843.396.682	2.155.904.837
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		922.271.571	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		170.865.292	69.594.822
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>24.221.894.394</b>	<b>28.954.760.345</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.162.991.823</b>	<b>21.722.360.756</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	13.173.462.748	18.767.074.110
- Nguyên giá	222		94.501.819.391	93.506.504.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.328.356.643)	(74.739.430.020)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	2.840.858.106	2.914.606.486
- Nguyên giá	228		3.750.673.200	3.750.673.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(909.815.094)	(836.066.714)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	1.148.670.969	40.680.160
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.058.902.571</b>	<b>7.232.399.589</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>10</b>	7.058.902.571	7.232.399.589
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>144.441.196.555</b>	<b>133.590.016.513</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

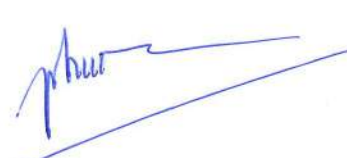
MẪU B 01-DN


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (310=310)</b>	<b>300</b>		<b>74.733.163.288</b>	<b>62.494.703.545</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.733.163.288</b>	<b>62.494.703.545</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	34.542.000.000	12.987.761.043
2. Phải trả người bán	312		6.354.541.331	9.381.171.177
3. Người mua trả tiền trước	313		7.855.226.269	4.892.318.033
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	181.133.435	1.657.088.563
5. Phải trả người lao động	315		1.550.768.098	1.359.287.635
6. Chi phí phải trả	316		-	6.671.104.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	23.502.322.811	23.465.193.477
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		747.171.344	2.080.779.617
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>69.708.033.267</b>	<b>71.095.312.968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>69.708.033.267</b>	<b>71.095.312.968</b>
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.117.439.424	1.622.592.542
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.117.439.424	1.622.592.542
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		992.498.581	992.498.581
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.480.655.838	6.857.629.303
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+ 400)	<b>440</b>		<b>144.441.196.555</b>	<b>133.590.016.513</b>


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ ("USD")		524.183	246.391
- Đồng Euro ("EUR")		12.922	2.920

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		257.841.150.609	262.600.659.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.038.410.198	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	256.802.740.411	262.600.659.022
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	214.023.313.531	209.003.345.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.779.426.880	53.597.313.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.254.148.363	2.777.208.941
7. Chi phí tài chính	22	20	1.248.205.776	1.038.481.409
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		751.822.137	875.387.387
8. Chi phí bán hàng	24		23.245.168.954	23.308.912.506
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.878.170.014	14.719.692.383
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		9.662.030.499	17.307.436.212
11. Thu nhập khác	31		2.811.802.320	2.313.716.532
12. Chi phí khác	32		142.667.132	67.411.853
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	2.669.135.188	2.246.304.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.331.165.687	19.553.740.891
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.424.007.334	4.383.749.803
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.907.158.353	15.169.991.088
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.651	2.528

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

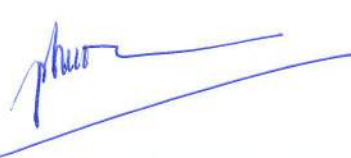
MẪU B 01-DN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.331.165.687</b>	<b>19.553.740.891</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.662.675.003	7.557.523.227
Các khoản dự phòng	03	133.370.710	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	139.443.603	7.360.712
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.582.926.800)	(1.788.733.278)
Chi phí lãi vay	06	751.822.137	875.387.387
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>18.435.550.340</b>	<b>26.205.278.939</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.418.623.283)	4.603.725.246
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.624.472.829	(27.106.824.666)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(12.621.730.618)	11.237.532.517
Thay đổi chi phí trả trước	12	(70.144.228)	2.552.762.640
Tiền lãi vay đã trả	13	(751.822.137)	(875.387.387)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.914.583.785)	(3.743.966.309)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.716.880.882)</b>	<b>12.873.120.980</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.103.306.070)	(5.726.219.781)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	1.484.694.856	1.788.733.278
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(618.611.214)</b>	<b>(3.937.486.503)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	76.144.472.100	119.402.077.988
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.760.034.543)	(126.301.334.271)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(5.498.037.500)	(5.274.024.355)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>15.886.400.057</b>	<b>(12.173.280.638)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.550.907.961</b>	<b>(3.237.646.161)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>33.073.577.372</b>	<b>36.296.828.335</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.382.954	14.395.198
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>42.631.868.287</b>	<b>33.073.577.372</b>


**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 5.301.962.500 đồng (năm 2013: 2.958.265.000 đồng), là số cổ tức đã công bố nhưng chưa được thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang.

Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600230014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2011. Trụ sở đăng ký Công ty đặt tại số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 598 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 683 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: chế biến và bảo quản rau củ quả; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn thực phẩm; bán buôn đồ uống; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn gạo; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ ngắn hạn, phải trả người bán và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	3 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn từ 37 năm đến 45 năm và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian các quy định hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do chuyển đổi hình thức sở hữu và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh là khoản chênh lệch khi tiến hành xác định giá trị của Công ty cho mục đích chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	670.173.765	544.466.090
Tiền gửi ngân hàng	12.216.694.522	5.294.111.282
Các khoản tương đương tiền	29.745.000.000	27.235.000.000
	<b><u>42.631.868.287</u></b>	<b><u>33.073.577.372</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng trong nước bằng Đồng Việt Nam với lãi suất 5%/năm (năm 2013: 7%/năm).

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.858.616.018	2.571.324.831
Công cụ, dụng cụ	307.603.294	269.983.640
Thành phẩm	48.519.981.806	47.776.929.500
Hàng hoá	4.040.163.460	2.304.129.400
Hàng gửi đi bán	1.748.977.862	8.177.447.898
	<b><u>57.475.342.440</u></b>	<b><u>61.099.815.269</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	24.276.425.544	61.575.078.462	6.681.736.224	973.263.900	93.506.504.130
Tăng trong năm	101.682.944	893.632.317	-	-	995.315.261
Tại ngày 31/12/2014	<u>24.378.108.488</u>	<u>62.468.710.779</u>	<u>6.681.736.224</u>	<u>973.263.900</u>	<u>94.501.819.391</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	20.419.840.591	51.400.609.874	2.346.668.965	572.310.590	74.739.430.020
Khấu hao trong năm	1.713.116.652	4.043.622.943	705.992.512	126.194.516	6.588.926.623
Tại ngày 31/12/2014	<u>22.132.957.243</u>	<u>55.444.232.817</u>	<u>3.052.661.477</u>	<u>698.505.106</u>	<u>81.328.356.643</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.245.151.245</u>	<u>7.024.477.962</u>	<u>3.629.074.747</u>	<u>274.758.794</u>	<u>13.173.462.748</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.856.584.953</u>	<u>10.174.468.588</u>	<u>4.335.067.259</u>	<u>400.953.310</u>	<u>18.767.074.110</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 20.831.700.119 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.831.700.119 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 43.272.834.893 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 22.917.616.990 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>3.750.673.200</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	836.066.714
Khấu hao trong năm	73.748.380
Tại ngày 31/12/2014	<u>909.815.094</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.840.858.106</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.914.606.486</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình xây dựng nhà máy Bình Long	933.123.915,00	-
Khác	215.547.054	40.680.160
	<u>1.148.670.969</u>	<u>40.680.160</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh	6.118.687.847	7.072.249.589
Khác	940.214.724	160.150.000
	<u>7.058.902.571</u>	<u>7.232.399.589</u>

Công ty thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Theo đó, Công ty đã phân bổ khoản giá trị lợi thế kinh doanh vào báo cáo lãi lỗ của năm 2014 với số tiền là 953.561.742 (năm 2013: 2.463.367.834 đồng).

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	34.542.000.000	12.110.826.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	876.935.043
	<u>34.542.000.000</u>	<u>12.987.761.043</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng vay số 57/2014/HĐTD ngày 17 tháng 6 năm 2014 và đáo hạn ngày 17 tháng 6 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam và được đảm bảo bằng tài sản nhà máy Mỹ An của Công ty và chịu lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 1.616.000 Đô la Mỹ tương đương 34.542.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.579.306.926
Thuế thu nhập cá nhân	176.063.675	71.725.363
Thuế tài nguyên	3.756.000	1.961.400
Thuế khác	1.313.760	4.094.874
	<u><b>181.133.435</b></u>	<u><b>1.657.088.563</b></u>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (*)	14.343.073.731	14.343.073.731
Cổ tức phải trả Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	8.238.720.000	5.296.320.000
Khác	920.529.080	3.825.799.746
	<u><b>23.502.322.811</b></u>	<u><b>23.465.193.477</b></u>

(\*) Khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo Biên bản định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và khoản chênh lệch này vẫn chưa được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang phê duyệt tại thời điểm lập báo cáo tài chính này.

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	6.000.000	6.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2014		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014 VND	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2013		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013 VND
	Cổ phiếu	%		Cổ phiếu	%	
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước						
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang	2.942.400	49%	29.424.000.000	2.942.400	49%	29.424.000.000
Ông Lưu Bách Thảo	-	0%	-	1.230.000	21%	12.300.000.000
Ông Nguyễn Chí Tuấn	-	0%	-	420.600	7%	4.206.000.000
Ông Huỳnh Thiện Nhân	400.000	7%	4.000.000.000	-	0%	-
Các cổ đông khác	2.657.600	44%	26.576.000.000	1.407.000	23%	14.070.000.000
	<u><b>6.000.000</b></u>	<u><b>100%</b></u>	<u><b>60.000.000.000</b></u>	<u><b>6.000.000</b></u>	<u><b>100%</b></u>	<u><b>60.000.000.000</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>863.581.952</b>	<b>863.581.952</b>	<b>992.498.581</b>	<b>796.878.457</b>	<b>63.516.540.942</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.169.991.088	15.169.991.088
Phân phối quỹ trong năm	-	759.010.590	759.010.590	-	(2.580.636.006)	(1.062.614.826)
Quỹ thưởng Ban Quản lý và điều hành Công ty	-	-	-	-	(528.604.236)	(528.604.236)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>1.622.592.542</b>	<b>1.622.592.542</b>	<b>992.498.581</b>	<b>6.857.629.303</b>	<b>71.095.312.968</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.907.158.353	9.907.158.353
Phân phối quỹ trong năm	-	495.357.918	495.357.918	-	(1.486.073.754)	(495.357.918)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Giảm khác	-	(511.036)	(511.036)	-	1.941.936	919.864
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>2.117.439.424</b>	<b>2.117.439.424</b>	<b>992.498.581</b>	<b>4.480.655.838</b>	<b>69.708.033.267</b>

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCD của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2014:

- Công ty quyết định tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 990.715.836 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 495.357.918 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014.

- Đại Hội đồng Cổ đông Công ty quyết định chia cổ tức năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 18% mệnh giá cổ phần tương ứng số tiền 10.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty đã tạm trích cổ tức được chia trong năm 2013 với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần tương ứng 6.000.000.000 đồng và trích thêm cổ tức được chia năm 2013 vào năm 2014 với tỷ lệ 8% mệnh giá cổ phần tương ứng 4.800.000.000 đồng. Đồng thời Công ty tạm chia cổ tức của năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần tương ứng với số tiền 6.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức số tiền là 5.498.037.500 đồng cho các cổ đông và số cổ tức còn lại chưa chi trả tương ứng với số tiền là 5.301.962.500 đồng đang được ghi nhận trên tài khoản các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như năm trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả đã chế biến cho các khách hàng ở nước ngoài trong khi doanh thu do bán hàng trong nước chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
Doanh thu bán hàng	257.841.150.609	253.424.672.748
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	9.175.986.274
	<u>257.841.150.609</u>	<u>262.600.659.022</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	1.020.350.198	-
Giảm giá hàng bán	18.060.000	-
	<u>256.802.740.411</u>	<u>262.600.659.022</u>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn hàng bán	214.023.313.531	200.997.405.503
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	8.005.939.950
	<u>214.023.313.531</u>	<u>209.003.345.453</u>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.433.750.629	139.831.257.992
Chi phí nhân công	37.629.863.865	52.999.381.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.601.443.467	7.557.523.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.195.190.257	32.694.009.334
Chi phí khác	12.286.404.295	13.949.778.775
	<u>248.146.652.513</u>	<u>247.031.950.342</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	1.582.926.800	1.670.096.915
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	671.221.563	1.107.112.026
	<u><u>2.254.148.363</u></u>	<u><u>2.777.208.941</u></u>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014 VND	2013 VND
Lãi vay ngân hàng	751.822.137	875.387.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	356.940.036	155.733.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.443.603	7.360.712
	<u><u>1.248.205.776</u></u>	<u><u>1.038.481.409</u></u>

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2014 VND	2013 VND
Thu thanh lý tài sản	-	140.817.454
Thu tiền phạt hợp đồng	828.478.800	-
Khác	1.983.323.520	2.172.899.078
	<u><u>2.811.802.320</u></u>	<u><u>2.313.716.532</u></u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	2.258.777
Khác	142.667.132	65.153.076
	<u><u>142.667.132</u></u>	<u><u>67.411.853</u></u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u><u>2.669.135.188</u></u>	<u><u>2.246.304.679</u></u>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	12.331.165.687	19.553.740.891
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.266.073.952	1.893.110.382
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	119.616.000	152.258.777
Thu nhập chịu thuế	11.184.707.735	17.812.889.286
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.460.635.702	4.453.222.322
<b>Các khoản giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Khoản thuế được giảm do ưu đãi dự án đầu tư (*)	36.628.368	79.693.228
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.424.007.334	4.373.529.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung sau quyết toán	-	10.220.709
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><u>2.424.007.334</u></u>	<u><u>4.383.749.803</u></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(\*) Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ đầu tư xây dựng kho lạnh với công suất 500 tấn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016).

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.907.158.353</b>	<b>15.169.991.088</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.651</b>	<b>2.528</b>

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	163.638.685	163.638.685

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	356.958.672,00	356.958.672
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.427.834.688,00	1.427.834.688
Sau năm năm	14.380.550.907,17	6.404.659.363
	<b>16.165.344.267</b>	<b>8.189.452.723</b>

Các khoản cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất cho văn phòng và nhà xưởng với giá thuê hàng năm từ 1.260 đồng/m<sup>2</sup> đến 420.000 đồng/m<sup>2</sup> được ký với thời hạn từ 30 năm đến 50 năm tính từ năm 1998 đối với nhà máy Mỹ An và Bình Khánh. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.

Các khoản cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất cho nhà xưởng với giá thuê hàng năm từ 7.900 đồng/m<sup>2</sup> được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2014 đối với dự án nhà máy Bình Long. Khoản thuê đất này được miễn trừ chi phí thuê trong vòng 11 năm bắt đầu từ tháng 7 năm 2014. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ, lợi nhuận chưa phân phối).

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	34.542.000.000	12.987.761.043
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	42.631.868.287	33.073.577.372
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	69.708.033.267	71.095.312.968
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.631.868.287	33.073.577.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.252.149.377	6.605.463.712
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>53.884.017.664</b></u>	<u><b>39.679.041.084</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	34.542.000.000	12.987.761.043
Phải trả người bán và phải trả khác	7.275.070.411	17.818.394.923
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>41.817.070.411</b></u>	<u><b>30.806.155.966</b></u>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	19.290.074.805	8.681.741.330	41.788.617.480	411.656.764
Đồng Euro (EUR)	333.183.972	84.649.753	41.900.625	47.089.250

#### Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(1.124.927.134)	413.504.228
Đồng Euro (EUR)	14.564.168	1.878.025
	<u>(1.110.362.966)</u>	<u>415.382.253</u>

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.631.868.287	-	42.631.868.287
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.252.149.377	-	11.252.149.377
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.884.017.664</b>	<b>-</b>	<b>53.884.017.664</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	34.542.000.000	-	34.542.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.275.070.411	-	7.275.070.411
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.817.070.411</b>	<b>-</b>	<b>41.817.070.411</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.066.947.253</b>	<b>-</b>	<b>12.066.947.253</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.073.577.372	-	33.073.577.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.605.463.712	-	6.605.463.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.679.041.084</b>	<b>-</b>	<b>39.679.041.084</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	12.987.761.043	-	12.987.761.043
Phải trả người bán và phải trả khác	17.818.394.923	-	17.818.394.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.806.155.966</b>	<b>-</b>	<b>30.806.155.966</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.872.885.118</b>	<b>-</b>	<b>8.872.885.118</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.